

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả (bao gồm danh mục TTHC thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế) (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện niêm yết TTHC, công bố tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và trang thông tin điện tử của đơn vị theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ban hành trái với nội dung tại Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP, các CV;
- TT PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI**  
**QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN**  
**VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 533 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số TTHC đưa vào TPVHCC	Số TTHC thực hiện “4 tại chỗ”
1.	Sở Công Thương tại Phụ lục I	131/131	30
2.	Sở Du lịch tại Phụ lục II	26/26	06
3.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Phụ lục III	114/114	35
4.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Phụ lục IV	115/126	27
5.	Sở Thông tin và Truyền thông tại Phụ lục V	37/37	10
6.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Phụ lục VI	114/116	26
7.	Sở Tư pháp tại Phụ lục VII	123/131	32
8.	Sở Tài chính tại Phụ lục VIII	04/04	01
9.	Sở Khoa học và Công nghệ tại Phụ lục IX	52/52	11
10.	Sở Y tế tại Phụ lục X	104/143	22
11.	Sở Văn hóa và Thể thao tại Phụ lục XI	96/96	20
12.	Sở Nội vụ tại Phụ lục XII	93/113	20
13.	Sở Ngoại vụ tại Phụ lục XIII	04/04	01
14.	Sở Giao thông vận tải tại Phụ lục XIV	128/136	31
15.	Sở Xây dựng tại Phụ lục XV	59/59	12
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường tại Phụ lục XVI	106/108	23
17.	Sở Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục số XVII	77/77	22
18.	Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Phụ lục XVIII	64/64	13
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.448/1.537</b>	<b>342</b>

**\* Ghi chú:**

1. Danh mục này không áp dụng đối với hai 02 đơn vị: Ban Dân tộc (03 TTHC) và Thanh tra tỉnh (06 TTHC).

2. Có 1.448/1.537 TTHC đủ điều kiện đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; 89/1.537 TTHC thuộc trường hợp quy định

tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; 341/1.448 TTHC thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (đạt 23,6%).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các danh mục TTHC đã được phê duyệt để áp dụng trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các danh mục TTHC được phê duyệt áp dụng theo các văn bản mới đó./.